

Số: /GPMT-UBND

Hòa Bình, ngày tháng năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án “Nhà máy sản xuất thức ăn bổ sung và phụ gia từ thực vật” tại lô CN-19A, CCN Tiên Tiến, xã Quang Tiến, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 40/GPMT-UBND ngày 15/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Thương Mại Dạ Hợp, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Cụm công nghiệp Tiên Tiến, xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình - Modul 1 + 2”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 578/TTr-STNMT ngày 20 tháng 12 năm 2023 và hồ sơ kèm theo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần TVONE Việt Nam; địa chỉ tại: Số 85, phố Xuân Quỳnh, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất thức ăn bổ sung và phụ gia từ thực vật” tại Lô CN-19A, Cụm công nghiệp Tiên Tiến, xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án:**

1.1. Tên dự án: “Nhà máy sản xuất thức ăn bổ sung và phụ gia từ thực vật”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN-19A, Cụm công nghiệp Tiên Tiến, xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0108802520 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 28/06/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 12/06/2023.

1.4. Mã số thuế: 0108802520.

1.5. Loại hình: Sản xuất phụ gia thức ăn chăn nuôi từ thực vật.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án có diện tích 7.002,5 m<sup>2</sup> tại lô CN-19A, CCN Tiên Tiến, xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Tổng mức đầu tư: 126.255.000.000 đồng. Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất sản xuất: sản xuất phụ gia thức ăn chăn nuôi từ thực vật với công suất 12.000 tấn sản phẩm/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần TVONE Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần TVONE Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi tiếng ồn, độ rung và chất thải có chất ô nhiễm ra môi trường không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh

tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ký giấy phép.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường, giám sát việc vận hành thử nghiệm đối với dự án “Nhà máy sản xuất thức ăn bổ sung và phụ gia từ thực vật” tại Lô CN-19A, Cụm công nghiệp Tiên Tiến, xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình của Công ty Cổ phần TVONE Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&CN, TN&MT, CT;
- UBND thành phố Hòa Bình;
- UBND xã Quang Tiến, TP Hòa Bình;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công ty Cổ phần TVONE Việt Nam;
- (Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh trả kết quả);*
- Chánh, Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Hg).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Quách Tất Liêm**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày / /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải từ hoạt động của nhà máy gồm nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 40 m<sup>3</sup>/ngày đêm được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tiên Tiến, không xả ra môi trường).

- Đã ký Hợp đồng thuê lại đất có hạ tầng kỹ thuật (bao gồm dịch vụ xử lý nước thải) tại Hợp đồng số: 02/2023/DH-CCNTT ngày 28/6/2023 với Công ty cổ phần Thương mại Dạ Hợp (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp (CCN) Tiên Tiến và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tiên Tiến).

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải**

#### \* Mạng lưới thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được thu gom dẫn vào công trình bể tự hoại 3 ngăn, (số lượng 02 bể, đặt ngầm tại khu vực văn phòng và khu vực gần nhà vệ sinh công nhân viên với tổng dung tích hữu ích là 10,87m<sup>3</sup>), sau đó, qua hệ thống ống ngầm PVC D200mm và hố ga chảy vào bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung (số lượng 01 hệ thống, công suất thiết kế 40m<sup>3</sup>/ngày đêm) để xử lý các thành phần ô nhiễm đạt tiêu chuẩn của Cụm công nghiệp Tiên Tiến (Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT).

- Nước thải sinh hoạt từ căng tin được thu gom dẫn vào công trình bể tách mỡ (số lượng 01 bể đặt ngầm tại khu vực bên ngoài nhà văn phòng với tổng dung tích hữu ích là 2,454m<sup>3</sup>), sau đó qua hệ thống ống ngầm PVC D200mm chảy vào bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung (số lượng 01 hệ thống, công suất thiết kế 40m<sup>3</sup>/ngày đêm) để xử lý các thành phần ô nhiễm đạt tiêu chuẩn của Cụm công nghiệp Tiên Tiến (Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT).

#### \* Mạng lưới thu gom, thoát nước thải sản xuất

- Nước thải từ bể dập bụi của hệ thống xử lý bụi, khí thải nôi hơi: được công ty thuê đơn vị có chức năng định kỳ đến hút và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định. Định kỳ 1 – 3 tháng/lần.

- Nước rửa nguyên liệu thô, nước xả đáy nồi hơi: được thu gom qua hệ thống ống ngầm PVC D200mm chảy vào bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung (số lượng 01 hệ thống, công suất thiết kế 40m<sup>3</sup>/ngày đêm) để xử lý các thành phần ô nhiễm đạt tiêu chuẩn của Cụm công nghiệp Tiên Tiến (Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT).

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và nước thải khu căng tin xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ, nước thải sản xuất → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Chất lượng nước thải sau khi xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp → Hệ thống thoát nước thải của CCN Tiên Tiến → trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tiên Tiến.

- Công suất thiết kế:

#### **\* Công trình bể tự hoại 3 ngăn: số lượng 02 bể**

Hai bể xây bê tông cốt thép đặt ngầm tại khu vực văn phòng và khu vực gần nhà vệ sinh công nhân viên với tổng dung tích hữu ích mỗi bể là 5,435m<sup>3</sup>. Kích thước 1,76×2,45×1,3 (m)/bể. Kích thước chi tiết bể tự hoại (không tính thành bể) như sau: Ngăn chứa 1,255 x 1,76 x 1,3 (m). Ngăn lắng 0,805 x 1,195 x 1,3 (m). Ngăn lọc 0,845 x 1,195 x 1,3 (m).

#### **\* Công trình bể tách mỡ: số lượng 01 bể**

Bể tách mỡ xây bằng bê tông cốt thép đặt ngầm tại khu vực bên ngoài nhà văn phòng với tổng dung tích hữu ích là 2,454m<sup>3</sup>. Kích thước của bể là 2,4x1,6x1,4 (m). Trong đó, kích thước chi tiết bể tách mỡ (không tính thành bể) như sau: Ngăn lọc rác và mỡ 0,925 x 1,16 x 1,2 (m). Ngăn lọc mỡ 0,525 x 0,925 x 1,2 (m). Ngăn thu mỡ thừa 0,525 x 0,925 x 1,2 (m).

#### **\* Hệ thống xử lý nước thải tập trung: số lượng 01 hệ thống, công suất 40 m<sup>3</sup>/ngày đêm**

- Hệ thống gồm: 01 Bể thu gom (kích thước 1,4x1,18x2,65m, dung tích V= 4,38m<sup>3</sup>); 01 Bể điều hòa (kích thước 2,68x2,66x2,65m, dung tích V= 18,89m<sup>3</sup>); 01 Bể thiếu khí (kích thước 1,88x1,46x2,65m, V=7,27m<sup>3</sup>); 01 Bể hiếu khí (kích thước 4,16x1,96x2,65m, dung tích V= 21,61m<sup>3</sup>); 01 Bể lắng sinh học (kích thước 1,88x1,46x2,65m, dung tích V= 7,27m<sup>3</sup>); 01 Bể khử trùng (kích thước 1,88x0,8x2,65m, dung tích V= 3,99m<sup>3</sup>); 01 bể chứa bùn (kích thước 1,18x1,06x2,65m, dung tích V = 3,31m<sup>3</sup>). Vật liệu: bê tông cốt thép.

- Thiết bị lắp đặt: Rọ chắn rác, Bơm chìm bể thu gom, Xích kéo bơm, Phao điều khiển mực nước, Đồng hồ đo lưu lượng nước thải, Bơm chìm bể điều hòa, Hệ thống đĩa phân phối khí thô, Máy khuấy chìm, Bơm tuần hoàn nước thải, Vật liệu mang vi sinh, Hệ thống đĩa phân phối khí tinh, Bơm bùn dư và tuần hoàn bùn,

Hệ thống ống máng răng cưa, tấm chắn bọt, Máy thổi khí, Bồn chứa hóa chất, Bơm định lượng hóa chất, Hệ thống tủ điều khiển, Đường ống dẫn khí, Van khóa, Giá đỡ, Dây điện.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất khử trùng Javen: 60 kg/năm, dinh dưỡng Methanol 60 kg/năm.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 40 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải:

+ Tại bể thu gom nước thải đầu vào hệ thống xử lý;

+ Sau khi qua bể khử trùng, trước khi xả vào hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của Cụm công nghiệp Tiên Tiến.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 40 m<sup>3</sup>/ngày đêm theo giá trị giới hạn cho phép trong Hợp đồng thuê lại đất có hạ tầng kỹ thuật (bao gồm dịch vụ xử lý nước thải) tại hợp đồng số: 02/2023/DH-CCNTT ngày 28/6/2023 với Công ty cổ phần Thương mại Dạ Hợp (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Tiên Tiến và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của tầng Cụm công nghiệp Tiên Tiến).

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường và điều 97 NĐ08/2022/NĐ-CP
2	pH	-	5,5-9	
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	50	
4	COD	mg/L	150	
5	Chất rắn lơ lửng	mg/L	100	
6	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	10	
7	Amoni (tính theo N)	mg/L	10	
8	Tổng nitơ	mg/L	40	
9	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	6	
10	Coliform	mg/L	5000	

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tần suất lấy mẫu đối với nước thải sau xử lý thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày

10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể:

Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm CN Tiên Tiến, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Chỉ được tái sử dụng nước thải cho mục đích khác sau khi đã đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành phù hợp với mục đích sử dụng nước theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tiên Tiến để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường./.

---

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày / /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

Gồm 01 nguồn thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải nồi hơi.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

**2.1. Vị trí xả khí thải**

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống phóng không xả khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý bụi, khí thải nồi hơi. Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 2321652,8, Y: 439530,1

(theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°, múi chiều 3°)

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của dự án: Nhà máy sản xuất thức ăn bổ sung và phụ gia từ thực vật tại lô CN-19A, CCN Tiên Tiến, xã Quang Tiến, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất**

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 12.000m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, xả khí thải gián đoạn khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (K<sub>v</sub>=1; K<sub>p</sub>=1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường và điều 98 NĐ08/2022/NĐ-CP (phụ lục XXIX)
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	
3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1000	
4	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	850	
5	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500	



## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom khí thải**

- Đối với nguồn khí thải số 01: Bụi, khí thải từ nồi hơi → Đường ống dẫn khí  $\phi 400\text{mm}$ , Thép SS400 → Hệ thống xử lý bụi, khí thải nồi hơi.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi, khí thải → Ống dẫn khí → Cyclon → Quạt hút → Mương dẫn khói → Ventury khử bụi ướt → Bể đập bụi → Ống phóng không.

- Thông số kỹ thuật của các thiết bị trong công trình xử lý bụi, khí thải:

+ Ống dẫn khí từ nồi hơi tới cyclon: 01 ống, kích thước  $\phi 400\text{mm}$ , vật liệu: thép SS400.

+ Cyclon chùm: 01 bộ gồm 4 phần tử, cao 4m;

+ Mương dẫn khí: kích thước  $\phi 400\text{mm}$ , vật liệu: thép SS400;

+ Quạt hút: 01 cái, công suất động cơ 11kW, lưu lượng hút:  $12.000\text{m}^3/\text{h}$ , cột áp  $H = 2.500\text{Pa}$ .

+ Ventury khử bụi ướt: 01 bộ, kích thước D500mm, chiều cao 1,2m.

+ Bể đập bụi: 01 bể, kích thước dài x rộng x cao = (2,3x2,3x1,8)m, có nhiều vách ngăn.

+ Ống thoát khí: 01 cái, kích thước  $\phi 400\text{mm}$ , chiều cao: 12,5m, vật liệu: thép không gỉ. Ống thoát khí có lỗ thăm quan trực và sàn thao tác phục vụ lấy mẫu quan trắc theo quy định tại thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Công suất thiết kế:  $12.000\text{m}^3/\text{giờ}$ .

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 Hệ thống xử lý bụi, khí thải nồi hơi công suất thiết kế  $12.000\text{ m}^3/\text{h}$ ;

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống phóng không xả khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý bụi, khí thải nồi hơi. Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 2321652,8, Y: 439530,1.

(theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $106^\circ$ , múi chiều  $3^\circ$ ).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm

có trong dòng bụi, khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tần suất lấy mẫu đối với khí thải tại hệ thống xử lý khí thải thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể:

Quan trắc ít nhất 03 mẫu trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý khí thải nôi hơi.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

---

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMТ-UBND ngày / /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Phương tiện giao thông gồm xe tải vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm, phương tiện giao thông của cán bộ công nhân viên khi đi làm và tan ca.

- Nguồn số 02: Hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất tại nhà xưởng lớn.

- Nguồn số 03: Hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất tại nhà xưởng nhỏ.

- Nguồn số 04: Hoạt động của máy móc thiết bị tại phòng bơm.

- Nguồn số 05: Hoạt động của máy móc thiết bị của Hệ thống xử lý nước thải tập trung (máy bơm, máy thổi khí).

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tuyến đường nội khu nhà máy.

- Nguồn số 02: Trong nhà xưởng lớn.

- Nguồn số 03: Trong nhà xưởng nhỏ.

- Nguồn số 04: Tại phòng bơm.

- Nguồn số 05: Tại khu vực đặt Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 06: Tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

**3. Tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung**

**- Đối với Tiếng ồn:**

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		Ghi chú	Tần suất quan trắc môi trường
	Từ 6h-21h (dBA)	Từ 21h-6h (dBA)		
1	70	55	Khu vực thông thường	Không quy định

**- Đối với Độ rung:**

TT	QCVN 27:2010/BTNMT		Ghi chú	Tần suất quan trắc môi trường
	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB			
	Từ 6h-21h	Từ 21h-6h		

1	70	60	Khu vực thông thường	Không quy định
---	----	----	----------------------	----------------

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Để giảm tiếng ồn do các động cơ máy móc sản xuất: Công ty sẽ thường xuyên cho kiểm tra thiết bị thường xuyên và đảm bảo chế độ kiểm định, bảo dưỡng máy móc theo đúng định kỳ quy định.

- Duy tu, bảo dưỡng mặt đường giao thông đi lại trong công ty.

- Đối với công nhân lao động tại dự án, công ty sẽ trang bị bảo hộ lao động như bịt tai, nút tai chống ồn cho công nhân làm việc trong khu vực máy trộn, máy nghiền, máy thái,...

- Sử dụng công nghệ, máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu các ô nhiễm môi trường. Thường xuyên kiểm tra, bôi trơn dầu mỡ và thay bi trục quay đảm bảo cho máy luôn vận hành êm. Tần suất kiểm tra là 01 lần/ngày.

- Giảm thời gian làm việc tiếp xúc với tiếng ồn bằng cách sử dụng nhiều công nhân để thay phiên cho nhau, bố trí thời gian nghỉ giải lao cho công nhân ở khu vực yên tĩnh.

- Hàng năm tiến hành đo kiểm môi trường lao động và khám định kỳ để phát hiện kịp thời các bệnh nghề nghiệp gây ra do tiếng ồn.

- Thường xuyên tập huấn, đào tạo và nhắc nhở công nhân về tác hại của tiếng ồn để nâng cao ý thức làm việc nghiêm túc, vận hành máy móc đúng quy trình và luôn sử dụng bảo hộ lao động khi làm việc.

- Ban hành nội quy quy định đối với các phương tiện ra vào dự án đảm bảo giảm thiểu tiếng ồn ở mức tối đa.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ**  
**SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:           /GPMT-UBND ngày    /   /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	2,0	16 01 06	NH
2	Pin thải (từ pin điều khiển)	Rắn	2,0	16 01 12	NH
3	Thiết bị, linh kiện điện tử thải	Rắn	2,0	16 01 13	NH
4	Giẻ lau, găng tay dính dầu	Rắn	10	18 02 01	KS
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	20	17 02 03	NH
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	10	18 01 01	KS
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	15	18 01 03	KS
<b>Tổng lượng chất thải nguy hại</b>			<b>61,0</b>		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải thông thường	Đơn vị	Khối lượng
1	Vỏ bao bì, thùng đựng nguyên liệu thải bỏ	kg/tháng	200
2	Nguyên liệu thô hỏng bỏ	kg/tháng	1.200
3	Nguyên liệu (dạng bột) rơi vãi	kg/tháng	92
4	Tạp chất (kim loại, đá, cát...) lẫn trong sản phẩm, sản phẩm lỗi thải bỏ	kg/tháng	100
5	Giấy vụn, văn phòng phẩm, hộp mực in văn phòng không dính thành phần nguy hại thải bỏ	kg/tháng	17
6	Tro bụi từ HTXL bụi, khí thải nồi hơi	kg/tháng	100
7	Bùn dư từ HTXL nước thải tập trung	kg/tháng	315,6
	<b>Tổng</b>	<b>kg/tháng</b>	<b>2.024,6</b>

### 1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải thông thường	Số lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	14,4
2	Bùn từ bể phốt	1,21
	<b>Tổng</b>	<b>15,61</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 07 thùng chuyên dụng loại 200 lít, có nắp đậy, dán nhãn và có dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.1.2. Kho chứa:

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích: 12,3m<sup>2</sup>, kích thước: Dài×rộng×cao: 5,38m×2,28m×3,35m.

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Kết cấu bê tông cốt thép, nền lát gạch, mái tôn, bao quanh kho là tường gạch và tôn. Bên ngoài có biển cảnh báo và bình cứu hỏa, bên trong có chia ngăn riêng biệt và mã chất thải cho từng loại chất thải nguy hại, có cát khô và xẻng để sử dụng trong trường hợp bị rò rỉ chất thải nguy hại.

+ Giải pháp xử lý: Định kỳ ký hợp đồng và chuyển giao CTNH cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định hiện hành.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Kho lưu chứa diện tích 31,7m<sup>2</sup>, kích thước: Dài×rộng×cao: 5,89m×5,38m×3,35m.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Kết cấu: bê tông cốt thép, tường gạch xây, mái lợp fibroximăng, nền đổ bê tông đá dăm dày 150mm.

- Giải pháp xử lý: Định kỳ ký hợp đồng và chuyển giao CTR công nghiệp thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định hiện hành.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 10 thùng chứa tại các khu vực phát sinh rác thải sinh hoạt đảm bảo phân loại rác thải sinh hoạt theo quy định: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải thực phẩm; Chất thải rắn sinh hoạt khác.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích 13,7m<sup>2</sup>, kích thước: Dài×rộng×cao: 3,39m×4,06m×3,35m.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Kết cấu: bê tông cốt

thép, tường gạch xây, mái lợp fibroximăng, nền đổ bê tông đá dăm dày 150mm.

- Giải pháp xử lý: Định kỳ ký hợp đồng và chuyển giao CTR sinh hoạt cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định hiện hành.

***2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:***

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời; Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải thực hiện vận hành và ghi chép vào sổ nhật ký vận hành hàng ngày; Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng; Vận hành và bảo trì hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật; Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị sự cố, dừng hoạt động sản xuất, nước thải được lưu giữ tại hệ thống, chờ khắc phục sửa chữa để hoạt động trở lại.

2. Yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý khí thải: Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động, bảo dưỡng định kỳ các máy móc của hệ thống xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời; Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý khí thải thực hiện vận hành và ghi chép vào sổ nhật ký vận hành hàng ngày; Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng; Vận hành và bảo trì hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà sản xuất; Trong trường hợp hệ thống xử lý khí thải bị sự cố, dừng hoạt động sản xuất, chờ khắc phục sửa chữa để hoạt động trở lại.

3. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.